BÀI 10

JOUERY

PHAN LONG FB: PHANLONGIT

I. GIỚI THIỆU:

1. Định nghĩa:

- Là viết tắt của Javascript Query.
- jQuery là một thư viện <u>JavaScript</u> phổ biến trong cộng đồng lập trình, giúp lập trình viên dễ ứng dụng JavaScript vào website hơn.
- Không phải là một ngôn ngữ lập trình riêng biệt và hoạt động liên kết với JavaScript.

2. Ý nghĩa:

- Tác dụng trực tiếp đến các thẻ HTML, cũng như thao tác đến các hiệu ứng của CSS.
- Tương thích với tất cả các trình duyệt.
- Có thể làm được nhiều việc hơn mà lại tốn ít công sức hơn.

II. CHUẨN BỊ MÔI TRƯỜNG:

1. Sử dụng trình duyệt Chrome:

- Giúp hỗ trợ CSS.
- Kiểm tra lỗi Javascript.
- Hỗ trợ tất cả các hiệu ứng jQuery rất tốt.

2. Cài đặt package plugin:

- Vào Extension (Ctrl+Shift+X) -> gõ jquery-> chọn jQuery Code
 Snippets. (hỗ trợ việc gợi ý nhập code jQuery)
 Ví dụ: vào file js, gõ jon -> tab (xem kết quả)
- Cài đặt trình duyệt mặc định: File -> Preferences-> settings, nhấp vào khung tìm kiếm gõ Browser, nhập vào khung Open-in-browser: Default trình duyệt muốn cho mặc định.
- Sử dụng: nhấn tố hợp **Alt+b**

3. Liên kết jQuery trong file HTML:

- a. Dùng trực tuyến:
- Sử dụng link:
 - <script src="https://code.jquery.com/jquery-latest.js"></script>
- b. Download về thư mục riêng.
- https://jquery.com/download/
- Tải bản mới nhất, dùng thẻ <script> để liên kết.
- Ví dụ demo:
- Tạo file HTML (có liên kết js và jQuery), trong html có thẻ h4
- Code trong js:
- \$(function () { \$('h4').animate({opacity:0});
 - **})**;

Kết quả: ấn nội dung trong thẻ h4

III. THỰC HÀNH JQUERY:

1. Cấu trúc:

```
$('selector').events({ code;});
     + Selector: lực chọn phần tử cần xử lý (thẻ, class, id)
     + Event: bắt sự kiện tương tác với phần tử selector
          Vd: .click(function (e) {
              e.preventDefault();
          });
     + Code: hiệu ứng khi có sự kiện tương tác.
Ví du: $('h4').animate({opacity:0});
```

III. THỰC HÀNH JQUERY:

2. Ví du:

Viết hiệu ứng xử lý khi load trang, 1 đối tượng ẩn đi và khi click vào một nút, 1 hình dịch sang phải.

File HTML





Text



```
File JS:
$(function () {
  $('h4').animate({opacity:0});
  $('.nut').click(function () {
    $('img.hinh2').animate({m
arginLeft:50});
});
```

III. THỰC HÀNH JQUERY:

3. Đối tượng:

- This: bản thân đối tượng.
- Next: đối tượng kế tiếp.
- Children: con của đối tượng

4. Một số hàm thông dụng:

- a. Hàm xử lý hiệu ứng accordion:
- SlideUp()/SlideDown(): mở/đóng nội dung,
- SlideToggle(): công tắc

Bài tập thực hành

4. Một số hàm thông dụng:

b. Hàm xử lý hiệu ứng cuộn chuột:

- animate(): hàm tự động.
- scrollTop: hàm lấy vị trí cuộn chuột
- offset().top: vị trí hiện tại của đối tượng so với top Ví dụ: lấy vị trí của class .abc console.log(\$('.abc').offset().top);

Bài tập thực hành

Yêu cầu:

- Khi click vào từng thành phần menu, trang chuyển đến vị trí tương ứng
- Tạo hiệu ứng thay đổi menu khi lăn chuột đến vị trí nào đó.
- Thêm chức năng quay về đầu trang (một cách chuyên nghệp)